CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
_____	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 397/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 2263
Ngày: 26/10/2026
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung	x	
PCT TT L.A.Quân		x
PCT L.T.Kiên		x
PCT Đ.T.Đức		x
PCT N.M.Hùng		x
PCT T.V.Quân		x
PCT H.M.Cường		x
Q.CVP N.H.Long	x	
PCVP T.V.Thiện		x
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KTGS		
P. NC	x	
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCC		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp số 38/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 119/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 4

"4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

5. Tổ chức, doanh nghiệp khi tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh phải đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị theo quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6

"**Điều 6. Điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng phục vụ quốc phòng, an ninh**

1. Tổ chức, doanh nghiệp là cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt được đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng phục vụ quốc phòng, an ninh khi được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoặc lựa chọn qua thủ tục đấu thầu.

2. Tổ chức, doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng phục vụ quốc phòng, an ninh khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Không có vốn đầu tư nước ngoài;

c) Được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoặc lựa chọn qua thủ tục đấu thầu.".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7

"**Điều 7. Điều kiện đầu tư kinh doanh vũ khí quân dụng phục vụ quốc phòng, an ninh**

1. Việc nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Tổ chức, doanh nghiệp được đầu tư kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8

"**Điều 8. Điều kiện đầu tư kinh doanh trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh**

1. Tổ chức, doanh nghiệp là cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt được đầu tư kinh doanh trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh khi được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoặc lựa chọn qua thủ tục đấu thầu.

2. Tổ chức, doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được đầu tư kinh doanh trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Không có vốn đầu tư nước ngoài;

c) Được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoặc lựa chọn qua thủ tục đấu thầu.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 9

“**Điều 9. Điều kiện đầu tư kinh doanh công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh**

1. Tổ chức, doanh nghiệp là cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt được đầu tư kinh doanh công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh khi được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoặc lựa chọn qua thủ tục đấu thầu.

2. Tổ chức, doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được đầu tư kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo, sản xuất vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ quốc phòng, an ninh khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Không có vốn đầu tư nước ngoài;

c) Được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoặc lựa chọn qua thủ tục đấu thầu.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11

“**Điều 11. Trình tự cho phép tổ chức, doanh nghiệp đầu tư kinh doanh vũ khí quân dụng phục vụ quốc phòng, an ninh**

Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tham gia nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 99/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 60/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ về tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12

“2. Văn bản chứng minh năng lực, đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh là các văn bản chứng minh bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật có liên quan.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13

"4. Thực hiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả công tác quản lý hoạt động đầu tư kinh doanh khi có nhiệm vụ cấp bách hoặc cần đề xuất ban hành chính sách pháp luật điều chỉnh cho kịp thời để giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh của tổ chức, doanh nghiệp.".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14

"4. Thực hiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả công tác quản lý hoạt động đầu tư kinh doanh khi có nhiệm vụ cấp bách hoặc cần đề xuất ban hành chính sách pháp luật điều chỉnh cho kịp thời để giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh của tổ chức, doanh nghiệp.".

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17

"1. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện báo cáo về Bộ Quốc phòng, Bộ Công an khi trong năm được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng hoặc được lựa chọn qua thủ tục đấu thầu, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính). Đối với doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh thực hiện báo cáo trên môi trường điện tử.".

Điều 11. Bãi bỏ một số khoản, điều

Bãi bỏ khoản 4 Điều 1; khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 12; khoản 4 Điều 18.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và quy định viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đang đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh theo đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoặc lựa chọn qua thủ tục đấu thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo đơn đặt hàng hoặc hợp đồng đã ký kết.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CĐS (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Phan Văn Giang